

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt điều chỉnh dự án Đường Dương Đình Nghệ
kéo dài, thành phố Thanh Hoá

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 13 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ các Nghị định: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 9/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023;

- Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 1700/QĐ-UBND ngày 20/5/2010, số 1702/QĐ-UBND ngày 03/6/2014, số 4139/QĐ-UBND ngày 25/10/2016 về phê duyệt dự án, phê duyệt điều chỉnh dự án Đường Dương Đình Nghệ kéo dài, thành phố Thanh Hoá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 9204/SXD-HĐXD ngày 05/12/2024 về việc phê duyệt điều chỉnh dự án Đường Dương Đình Nghệ kéo dài, thành phố Thanh Hoá (kèm theo kết quả thẩm định); của UBND thành phố Thanh Hoá tại Tờ trình số 1464/TTr-UBND ngày 31/10/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự án Đường Dương Đình Nghệ kéo dài, thành phố Thanh Hoá với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Thông tin chung về dự án đã được phê duyệt

- Tên dự án: Đường Dương Đình Nghệ kéo dài, thành phố Thanh Hoá.
- Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh.
- Chủ đầu tư: UBND thành phố Thanh Hoá;
- Quy mô đầu tư: Tổng chiều dài tuyến 1.416m được chia làm 03 đoạn; đoạn 1 từ cầu vượt Phú Sơn đến đường Triệu Quốc Đạt có chiều dài 410m; đoạn 2 từ đường Lý Nhân Tông đến Quốc lộ 1A có chiều dài $L=436m$; đoạn 3 từ cầu vượt Phú Sơn đến đường Nguyễn Trãi có chiều dài 570m; Quy mô mặt cắt ngang đoạn 1 và đoạn 2 có $B_n=26m$, $B_m=14m$, $B_{vh}=12m$ (2x6m); đoạn 3 có $B_m=14m$ và vỉa hè theo hiện trạng, rộng trung bình $B_{vh}=10m$ (2x5m).
- Tổng mức đầu tư: 158.882.603.000 đồng. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh và các nguồn huy động hợp pháp. Thời gian thực hiện hoàn thành trong năm 2014.

2. Lý do điều chỉnh

Thực hiện theo Văn bản số 5785/UBND-CN ngày 4/5/2021 và Văn bản số 8370/UBND-CN ngày 13/6/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc điều chỉnh quy mô mặt cắt và điều chỉnh hướng tuyến về phía Đông đoạn tuyến 1 và một số hạng mục có liên quan thuộc dự án để đảm bảo về yêu cầu kỹ thuật.

3. Nội dung điều chỉnh

3.1. Quy mô điều chỉnh: Điều chỉnh đoạn tuyến 1 từ Km0+650-Km1+60,60 như sau:

- Điều chỉnh quy mô mặt cắt ngang đoạn tuyến từ cầu vượt Phú Sơn đến đường Triệu Quốc Đạt từ $B_n=26m$ (gồm mặt đường $B_m=14m$, vỉa hè $B_{vh}=2x6m$) thành $B_n=16,5-22,0m$ (gồm $B_m=13,0m$, vỉa hè trái $B_{vht}=1,5-3,5m$, vỉa hè phải $B_{vhp}=2,0-6,0m$).

- Điều chỉnh hướng tuyến sang phía Đông từ cọc P2 (Km0+941) đến cọc 24 (Km1+28,0).

- Điều chỉnh bỏ hạng mục cấp nước sinh hoạt.

- Điều chỉnh hạng mục điện, vỉa hè, cây xanh đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

3.2. Điều chỉnh thời gian thực hiện dự án: Hoàn thành trong năm 2025.

3.3. Điều chỉnh tổng mức đầu tư

Tổng mức đầu tư điều chỉnh: **141.719.987.000 đồng** (Một trăm bốn mươi mốt tỷ, bảy trăm mười chín triệu, chín trăm tám mươi bảy nghìn đồng).

Đơn vị: Đồng

TT	Nội dung chi phí	Tổng mức đầu tư đã phê duyệt theo QĐ 4139/QĐ-UBND ngày 25/10/2016	Tổng mức đầu tư điều chỉnh	Chênh lệch: tăng (+), giảm (-)
1	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và TĐC	81.041.000.000	81.041.000.000	
2	Chi phí xây dựng	62.952.515.000	54.213.074.000	-8.739.441.000
3	Chi phí Quản lý dự án	1.003.301.000	906.836.874	-96.464.126
4	Chi phí tư vấn ĐTXD	3.333.843.000	3.481.582.633	147.739.633
5	Chi phí khác	619.341.000	480.969.660	-138.371.340
6	Chi phí dự phòng	9.932.603.000	1.596.524.038	-8.336.078.962
	Tổng cộng	158.882.603.000	141.719.987.000	-17.162.616.000

3.4. Các nội dung khác: Giữ nguyên theo Quyết định số 4139/QĐ-UBND ngày 25/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

- Sở Xây dựng, Chủ đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về nội dung hồ sơ dự án điều chỉnh trình thẩm định, phê duyệt.
- Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng, đảm bảo việc nghiệm thu, thanh quyết toán và các thủ tục theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Thanh Hoá; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN (V).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Mai Xuân Liêm

TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH

Dự án: Đường Dương Đình Nghệ kéo dài, thành phố Thanh Hoá

(kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung chi phí	TMĐT được duyệt theo QĐ số 4139/QĐ- UBND ngày 25/10/2016	TMĐT điều chỉnh	Tăng (+) Giảm (-)
I	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và TĐC	81.041.000.000	81.041.000.000	
II	Chi phí xây dựng	62.952.515.000	54.213.074.000	-8.739.441.000
III	Chi phí quản lý dự án	1.003.301.000	906.836.874	-96.464.126
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	3.333.843.000	3.481.582.633	147.739.633
1	Khảo sát lập BCNCKT	546.055.906	631.513.906	85.458.000
2	Chi phí khảo sát, TK BVTC - DT	889.000.698	989.554.236	100.553.538
3	Chi phí thiết kế lập quy hoạch	572.500.000	572.500.000	
4	Thẩm tra thiết kế BVTC - DT	124.295.463	142.968.146	18.672.683
5	Lập HSMT và đánh giá HSDT	61.000.000	61.000.000	
6	Giám sát thi công xây dựng công trình	1.075.315.168	1.084.046.344	8.731.176
V	Chi phí khác	619.341.000	480.969.660	-138.371.340
1	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	157.124.199	99.486.158	-57.638.041
2	Chi phí kiểm toán	393.308.100	333.334.253	-59.973.847
3	Chi phí thẩm định KQĐT	4.300.000	4.300.000	
4	Thẩm định DADT	1.949.669	3.361.170	1.411.501
5	Thẩm định TKBVTC-DT	33.800.000	40.488.080	6.688.080
VI	Chi phí dự phòng	9.932.603.000	1.596.524.038	-8.336.078.962
	Tổng cộng	158.882.603.000	141.719.987.000	-17.162.616.000